

Bản án số: 07/2019/HSST
Ngày: 05/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Phương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Ông Đỗ Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà Trung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04, 05 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 89/2018/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2018/QĐXXST-HS ngày 18/12/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: VI TIẾN T, tên gọi khác: không; sinh ngày 26/8/1993; nơi sinh: thành phố C; hộ khẩu thường trú: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; dân tộc: tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông: Vi Văn C, sinh năm: 1954 (đã chết năm 2000); con bà: Đoàn Thị V, sinh năm: 1958, trú tại: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; anh, chị, em ruột: có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; vợ, con: chưa có; tiền sự: không, tiền án: không.

Nhân thân: năm 2009 bị Công an thành phố Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt ngày 15/6/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: PHẠM VĂN G, tên gọi khác: không; sinh ngày 29/11/1986; nơi sinh: X, Nam Định; hộ khẩu thường trú: thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; chỗ ở hiện nay: tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; con ông: Phạm Văn Đ, sinh năm 1954; con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm: 1963, đều trú tại: Thôn B, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; anh,

chị, em ruột: có 02 chị em, bị cáo là con út trong gia đình; vợ: Dương Thị Hồng Phúc, sinh năm 1997; HKTT: tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có 01 con sinh năm 2016; tiền sự: không, tiền án: không.

Nhân thân: năm 2013 bị Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định xử phạt 03 tháng tù về tội gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo bị bắt ngày 23/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn G: Luật sư Nguyễn Trung Dũng – Văn phòng luật sư Nguyễn Trung Dũng, Đoàn luật sư tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

Người có quyền lợi liên quan:

1. Đoàn thị V - sinh năm 1958; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Vi Hải Y - sinh năm 1992; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

3. Đoàn Hữu L - sinh năm 1968; Trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; chỗ ở: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng; vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Mạc Đức C - sinh năm 1995; HKTT: tổ H, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng; vắng mặt.

2. Hoàng Hải L - sinh năm 1999; HKTT: tổ S, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 15 phút ngày 15/6/2018 tại tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, đội cảnh sát cơ động phòng PK20 Công an tỉnh Cao Bằng đang làm nhiệm vụ phát hiện bắt quả tang đối tượng Vi Tiên T (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 04 (bốn) gói Methamphetamine có khối lượng là 4,23 gam (bốn phẩy hai mươi ba gam) và 02 vỏ gói ni lon bên trong không có gì được thu giữ trong túi quần bên trái và số tiền 6.940.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) thu giữ trong túi quần đùi (bên phải); 01 (một) xe mô tô màu sơn đỏ đen, nhãn hiệu HONDA có biển kiểm soát 11F7-225T; 01 (một) đồng hồ nam; 01 (một) điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone; 01 (một) ống thủy tinh màu trắng dài khoảng 6cm (dụng cụ sử dụng ma túy).

Ngày 16/6/2018 Công an tỉnh Cao Bằng đã chuyển hồ sơ, tang vật vụ án đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử lý theo thẩm quyền.

Qua điều tra ban đầu, Vi Tiến T khai nhận số Methamphetamine Công an thu giữ mua với Phạm Văn G, sinh năm 1986, nhà ở tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng vào ngày 15/6/2018.

Ngày 16/6/2018, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra lệnh khám xét khẩn cấp đối với Phạm Văn G. Qua khám xét thu giữ: 01 (một) bình tròn nhựa màu có gắn ống hút màu tím và gắn một ống thủy tinh một đầu có hình cầu tròn (là dụng cụ sử dụng ma túy), được thu giữ trong bếp nhà ở của Phạm Văn G; 02 (hai) điện thoại di động màu trắng trong đó có 01 (một) điện thoại iPhone, 01 (một) điện thoại OPPO và số tiền 31.725.000 đồng (ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi năm nghìn đồng) được thu giữ trong túi quần bên trái phía trước của Phạm Văn G đang mặc.

Ngày 28/6/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định chất ma túy số 95 đối với vật chứng vụ án. Bản kết luận giám định số 3585/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận: *“mẫu chất tinh thể màu trắng hồng gửi giám định là ma túy loại Methamphetamine”*.

Quá trình điều tra Vi Tiến T khai nhận: khoảng 16 giờ ngày 15/6/2018 T gọi điện thoại cho Phạm Văn G hỏi *“có hàng không (ý hỏi có ma túy đá không), nếu có cho T 5 gam”*, G trả lời là *“có”* và hẹn T đến nhà G để trao đổi. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T đến nhà Phạm Văn G ngó vào cửa thì thấy G cùng Mạc Đức C, (sinh năm 1995, trú tại tổ H, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Hoàng Hải L (sinh năm 1999, trú tại tổ S, phường N, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) đang cùng nhau sử dụng ma túy ở trong nhà, thấy T đến L ra mở cửa cho T vào nhà và L ra ngoài chơi điện tử. Khi T vào trong thấy G cùng C đang sử dụng ma túy. G mời T cùng tham gia sử dụng, sau đó T hỏi mua bán ma túy Methamphetamine với G. G nói *“chỉ còn 05 gam của khách đã đặt trước nhưng chưa đến lấy”*. T bảo *“nếu khách chưa lấy thì cho T lấy trước”*, G đồng ý bán cho T với giá là 3.800.000đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng), T đưa tiền cho G 4.200.000đồng (bốn triệu hai trăm nghìn đồng), trong đó có 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền nợ trước đó. G nhận tiền rồi lấy 01 (một) gói ma túy được gói bằng giấy vệ sinh màu trắng ra để trên bàn cho T, rồi G lấy tiền trả lại cho T 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Sau đó T đem gói ma túy về nhà, mở ra ở bên trong có 06 (sáu) gói nhỏ được gói bằng ni lông màu trắng, ở trong mỗi gói đều có ma túy Methamphetamine. T lấy ra 02 gói sử dụng cho bản thân hết, còn 02 (hai) vỏ nilong cho vào số ma túy còn lại cất giấu để túi quần của T đang mặc. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, T đem theo số ma túy đá đi ra khu vực tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bị công an phát hiện bắt quả tang và thu giữ. Tại cơ quan điều tra Phạm Văn G không thừa nhận được bán ma túy cho Vi Tiến T.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã lập hồ sơ đề nghị truy tố Vi Tiến T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, truy tố Phạm Văn G về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 102/CT-VKSTP ngày 29/11/2018, Viện kiểm sát

nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Vi Tiến T về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, truy tố Phạm Văn G về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Đối với vật chứng và tài sản bị thu giữ: chiếc đồng hồ bị cáo mua để sử dụng cho bản thân đề nghị được trả lại, ông thủy tinh màu trắng bị cáo mua tại bến xe để sử dụng ma túy, 02 vỏ nilon màu trắng là vỏ đựng ma túy bị cáo đã sử dụng, số tiền 6.940.000 đồng bị cáo đặt xe máy (biển kiểm soát 11X1-039.4N mẹ bị cáo mua cho bị cáo) ở hiệu cầm đồ mà có, đề nghị trả lại cho mẹ bị cáo. Các tài sản còn lại gồm chiếc xe máy biển kiểm soát 11F7-225T của mẹ bị cáo và chiếc điện thoại Iphone của chị gái bị cáo đã được cơ quan công an trả lại cho chủ sở hữu.

Bị cáo G không thừa nhận hành vi phạm tội, bị cáo xác nhận việc trao đổi mua bán ma túy với T qua điện thoại và hẹn đến nhà G để thực hiện giao dịch, tuy nhiên, khi T đến nhà bị cáo nói với T là không có ma túy, khi T đưa số tiền 4.100.000 đồng thì bị cáo chỉ lấy 300.000 đồng là tiền T mượn bị cáo từ trước, số tiền còn lại bị cáo đã trả lại T.

Về vật chứng bị thu giữ: số tiền 31.725.000 đồng là tiền bị cáo mượn của Đoàn Hữu L để buôn bán quần áo, đề nghị trả cho Đoàn Hữu L, bình nhựa màu trắng là dụng cụ sử dụng ma túy, điện thoại di động Oppo và điện thoại Iphone màu trắng là điện thoại của bị cáo, trong đó bị cáo trao đổi mua bán ma túy với T bằng chiếc điện thoại Iphone còn chiếc điện thoại Oppo không liên quan đến hành vi phạm tội. Bị cáo đề nghị trả lại cho bị cáo 02 chiếc điện thoại này.

Bà Đoàn thị V xác nhận đã nhận lại tài sản là chiếc xe máy biển kiểm soát 11F7-225T. Đối với số tiền 6.940.000 đồng là tiền bị cáo T đặt xe máy của bà mà có, bà đã bỏ ra 10 triệu đồng để lấy xe về nhà, do đó, đề nghị trả lại cho bà số tiền 6.940.000 đồng. Đối với số tiền T đã tiêu hết bà không có ý kiến gì vì cho rằng chiếc xe T mang đi cầm đồ mặc dù đăng ký xe mang tên bà V nhưng thực tế bà mua cho T sử dụng.

Bà Vi Hải Y xác nhận đã nhận lại chiếc điện thoại di động Iphone màu đen và không có ý kiến gì thêm.

Ông Đoàn Hữu L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông đề nghị được trả lại số tiền bị cáo G mượn để buôn bán quần áo là 31.725.000 đồng.

Người làm chứng Mạc Đức C, Hoàng Hải L vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra. Tại biên bản giao nhận giấy triệu tập, Mạc Đức C có ý kiến giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra. Lời khai tại cơ quan điều tra của Mạc Đức C, Hoàng Hải L phù hợp với lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ

luật hình sự đối với bị cáo T; áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo G. Tuyên bố bị cáo Vi Tiến T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", bị cáo Phạm Văn G phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Đề nghị xử phạt bị cáo T từ 30 đến 36 tháng tù, bị cáo G từ 04 đến 05 năm tù. Về hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo G từ 5 đến 10 triệu đồng.

Về xử lý vật chứng: tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong ghi tang vật cần, 01 ống thủy tinh, 02 vỏ ni lon màu trắng, 01 bình nhựa màu trắng. Trả lại cho bị cáo T 01 đồng hồ nam màu đen, trả lại cho bị cáo G số tiền 31.725.000 đồng. Trả lại cho bà Đoàn thị V số tiền 6.940.000 đồng. Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo G.

Khi trình bày ý kiến bào chữa cho mình, bị cáo G khẳng định không được bán ma túy cho bị cáo T.

Người bào chữa cho bị cáo G trình bày luận cứ: không đủ căn cứ để buộc tội bị cáo G vì trong hồ sơ chỉ có lời khai của bị cáo T, người làm chứng Mạc Đức C, Hoàng Hải L, trong khi đó lời khai của những người này còn mâu thuẫn, không thống nhất. Lời khai của bị cáo G tại phiên tòa và trong quá trình điều tra đều phủ nhận việc bán ma túy cho T, bị cáo G không nghiện ma túy, khi cơ quan công an khám xét nhà của G cũng không thu được ma túy, việc T bị bắt G không biết nên không thể tẩu tán ma túy nếu có. Không thu giữ được ma túy trong nhà G có nghĩa là G không có ma túy bán cho T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 13 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; tuyên bố bị cáo G vô tội, trả tự do cho bị cáo G tại phiên tòa và trả lại toàn bộ tiền và tài sản bị thu giữ cho bị cáo G.

Kiểm sát viên đối đáp: mặc dù G không thừa nhận hành vi của mình nhưng lời khai của bị cáo T tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của người làm chứng Mạc Đức C được chứng kiến việc trao đổi mua bán ma túy giữa bị cáo G và bị cáo T, lời khai của người làm chứng Hoàng Hải L chứng kiến việc T đưa tiền cho G mấy tờ 500.000 đồng và phù hợp với các chứng cứ khác có trong vụ án, do đó, khẳng định bị cáo G có hành vi bán trái phép ma túy cho bị cáo T.

Bị cáo T, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến tranh luận.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về các hành vi và quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Về tội danh:

Khoảng 16 giờ ngày 15/6/2018 T gọi điện thoại cho G hỏi mua 5 gam ma túy, G đồng ý bán và hẹn T đến nhà để trao đổi mua bán. Vào khoảng 18 giờ cùng ngày, khi T đến nhà G ngó vào cửa thì thấy G cùng Mạc Đức C và Hoàng Hải L đang sử dụng ma túy. Thấy T đến L ra mở cho T và đứng ở ngoài chơi điện tử. G mời T cùng tham gia sử dụng ma túy với C và G. Sau đó T hỏi mua ma túy với G, khi T và G trao đổi mua bán ma túy có C chứng kiến do C ngồi cách T khoảng 1 mét. Tại biên bản đối chất ngày 01/10/2018 giữa C và G và các lời khai khác của C trong quá trình điều tra C khai nhận: sau khi tham gia sử dụng ma túy một lúc ở nhà G thì T hỏi G mua ma túy đã, C thấy T đưa tiền cho G khoảng 2 đến 3 triệu đồng, còn cụ thể là bao nhiêu thì C không biết, G lấy gói giấy vệ sinh để trên bàn, T cầm lấy gói giấy vệ sinh và đi ra về. Tại biên bản đối chất bị cáo G cũng nhất trí với lời khai của C và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Phạm Văn G khai nhận chỉ giả vờ đồng ý bán ma túy cho T để dụ T đến nhà G trả nợ vì trước đó T nợ tiền G chưa trả, khi T đưa cho G số tiền 4.100.000 đồng thì G chỉ cầm lấy 300.000 đồng, số tiền còn lại G trả lại T. T đưa tiền cho G trước khi G đưa gói giấy vệ sinh cho T.

Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của Phạm Văn G có nhiều mâu thuẫn, không phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án vì nếu như G chỉ giả vờ đồng ý bán ma túy cho T để dụ T đến nhà trả nợ thì khi T đưa tiền cho G (tại phiên tòa G khẳng định T đưa tiền cho G trước rồi G mới đưa gói giấy vệ sinh cho T), G cầm tiền thì mục đích của G đã hoàn thành, không cần phải đưa gói giấy vệ sinh cho T. Nhưng G vẫn đưa gói giấy vệ sinh cho T, sau đó T đi về.

Mặc dù bị cáo Phạm Văn G khẳng định không được bán ma túy cho bị cáo T, tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của người làm chứng Mạc Đức C, Hoàng Hải L tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo Vi Tiến T tại phiên tòa, kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 18 giờ ngày 15/6/2018 tại nhà ở của Phạm Văn G tại tổ C, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, Phạm Văn G đã có hành vi bán trái phép 06 gói Methamphetamine cho Vi Tiến T với giá 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng). Số ma túy trên Vi Tiến T đã sử dụng 02 gói, còn lại 04 gói Methamphetamine có tổng khối lượng là 4,23 gam (bốn phẩy hai mươi ba gam) T mang theo người mục đích để sử dụng cho bản thân, khi đến tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng thì bị Công an tỉnh Cao Bằng bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội và gây ra tâm lý hoang mang lo ngại trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Với khối lượng ma túy bị thu giữ, hành vi của Vi Tiến T đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, hành vi của Phạm Văn G

đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T có một tiền sự đã được xóa, bị cáo G có 01 tiền án đã được xóa án tích. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T có thái độ khai báo thành khẩn nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo T có bố đẻ là ông Vi Văn C tham gia kháng chiến chống Mỹ, nhập ngũ tháng 05 năm 1971 và được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến nhưng do chạy tàu năm 1979 bị thất lạc nên không cung cấp được cho Tòa án nhưng đã được UBND phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng xác nhận đúng sự thật. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng cho bị cáo T hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Bị cáo G quanh co chối tội, thái độ khai báo chưa thành khẩn nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

[4] Về hình phạt:

Căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và đáp ứng công tác răn đe phòng ngừa chung. Xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng hoàn toàn phù hợp nên cần được chấp nhận.

Ngoài hình phạt chính, theo khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền, xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và tài sản:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 11F7 - 225T thu giữ của bị cáo T. Qua điều tra là của bà Đoàn thị V (sinh năm 1958; trú tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng là mẹ đẻ của Vi Tiến T) bà V không biết T mang xe đi mua ma túy nên cơ quan điều tra trả lại xe cho bà Đoàn thị V là đúng pháp luật.

Chiếc điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Iphone có số sim 0986911186 qua điều tra là chiếc điện thoại của bà Vi Hải Y, sinh năm 1992, hộ khẩu thường trú: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ngày 15/6/2018 do điện thoại của T bị hỏng nên T mượn chiếc điện thoại trên của bà Y để sử dụng, việc T mượn điện thoại sử dụng vào mục đích gì bà Y không biết nên cơ quan điều tra trả lại chiếc điện thoại trên cho bà Y là đúng pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo G bán ma túy cho bị cáo T được số tiền là 3.800.000 đồng, đây là tiền do bị cáo G phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo G nộp lại để sung công quỹ nhà nước.

Số tiền 31.725.000 đồng bị cáo G mượn của Đoàn Hữu L để buôn bán quần áo, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Quá trình điều tra

Đoàn Hữu L có ý kiến đề nghị trả lại số tiền này cho Đoàn Hữu L, tại phiên tòa bị cáo G cũng nhất trí trả lại số tiền này cho Đoàn Hữu L. Xét thấy ý kiến của bị cáo G hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Số tiền 6.940.000 đồng thu giữ trong túi quần đùi bên phải của T là tiền T đặt chiếc xe máy biển kiểm soát 11X1 - 039.4N của bà Đoàn thị V với hiệu cầm đồ được 10 triệu đồng. Bà V đã bỏ ra số tiền 10 triệu đồng để lấy lại chiếc xe biển kiểm soát 11X1 – 039.4N nhưng chỉ yêu cầu lấy lại số tiền 6.940.000 đồng, không yêu cầu bị cáo T trả lại số tiền đã tiêu hết nên hội đồng xét xử không xem xét. Xét thấy yêu cầu của bà V là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Chiếc điện thoại Iphone bị cáo G sử dụng để trao đổi mua bán ma túy với bị cáo T. Đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

Các tài sản còn lại không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho các bị cáo gồm có: trả lại cho bị cáo T 01 đồng hồ nam màu đen, trả lại cho bị cáo G 01 điện thoại Oppo.

Vật chứng còn lại là đồ vật cầm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy gồm: 01 phong bì niêm phong ghi tang vật cân, 01 ống thủy tinh, 02 vỏ ni lon màu trắng, 01 bình nhựa màu trắng.

[6] Về các vấn đề khác:

Trong quá trình điều tra T khai nhận được mua ma túy với G nhiều lần nhưng tại phiên tòa bị cáo T thay đổi lời khai, cho rằng chỉ được mua vào ngày 15/6/2018 là lần đầu tiên. Ban đầu Mạc Đức C cũng khai nhận được mua ma túy với G khoảng 10 lần nhưng sau đó lại thay đổi lời khai cho rằng chưa mua lần nào. Do đó, không có căn cứ áp dụng tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo G.

Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Phạm Văn G sử dụng tại nhà, bị cáo G khai được Đỗ Minh Đ (sinh năm 1970, hộ khẩu thường trú: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) cho. Qua điều tra Đ không thừa nhận việc được đưa ma túy cho G, khi hai người trao đổi không ai biết nên cơ quan điều tra không có đủ căn cứ để xử lý đối với Đỗ Minh Đ.

Đối với Mạc Đức C và Hoàng Hải L là người sử dụng ma túy cùng G, qua điều tra không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2

Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Vi Tiến T.

Áp dụng: khoản 1 Điều 251, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phạm Văn G.

Tuyên bố: bị cáo Vi Tiến T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Bị cáo Phạm Văn G phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

Xử phạt: bị cáo Vi Tiến T 30 (ba mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 15/6/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn G 04 (bốn) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 23/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng và tài sản:

2.1 Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Xử buộc bị cáo Phạm Văn G phải nộp lại số tiền 3.800.000 đồng (ba triệu tám trăm nghìn đồng) do bị cáo phạm tội mà có để sung công quỹ Nhà nước.

2.2 Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong ghi tang vật cân vạ: Vi Tiến T, sinh năm 1993, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy; bắt ngày 15/6/2018.

+ 01 (một) ống thủy tinh (dụng cụ sử dụng ma túy) trong phong bì niêm phong ghi vạ: Vi Tiến T, sinh năm 1993, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ 02 (hai) vỏ ni lon màu trắng trong phong bì niêm phong ghi vạ: Vi Tiến T, sinh năm 1993, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ 01 (một) bình nhựa màu trắng dài khoảng 20cm, nắp bình màu vàng có đục hai lỗ, một lỗ gắn với ống nhựa hút màu tím và hồng dài khoảng 30cm, một lỗ gắn với một ống thủy tinh dài khoảng 10cm, một đầu có hình cầu tròn (dụng cụ sử dụng ma túy). Thu giữ của Phạm Văn G, sinh năm 1986; HKTT: thôn B, xã X, huyện X, Nam Định; tạm trú: tổ C, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động màu trắng, mặt sau có chữ Iphone trong phong bì niêm phong ghi vạ: Phạm Văn G, sinh năm 1986; HKTT: thôn B, xã X, huyện X, Nam Định; tạm trú: tổ C, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho bị cáo Vi Tiến T: 01 (một) đồng hồ nam màu đen trong phong bì niêm phong, ghi vạ: Vi Tiến T, sinh năm 1993, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy, bắt ngày 15/6/2018.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn G: 01 (một) điện thoại di động màu trắng, mặt sau có chữ Oppo trong phong bì niêm phong ghi vạ: Phạm Văn G, sinh năm 1986; HKTT: thôn B, xã X, huyện X, Nam Định; tạm trú: tổ C, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho ông Đoàn Hữu L (sinh năm 1968; trú tại: tổ H, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, chỗ ở: tổ B, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 31.725.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm hai mươi năm ngàn đồng) trong phong bì niêm phong ghi vụ: Phạm Văn G, sinh năm 1986; HKTT: thôn B, xã X, huyện X, Nam Định; tạm trú: tổ C, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Mua bán trái phép chất ma túy.

- Trả lại cho bà Đoàn thị V (sinh năm 1958; HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) số tiền 6.940.000 đồng (sáu triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) trong phong bì niêm phong ghi vụ: Vi Tiến T, sinh năm 1993, HKTT: tổ B, phường Đ, thành phố C. Hành vi: Tàng trữ trái phép chất ma túy; bắt ngày 15/6/2018.

Xác nhận số vật chứng này hiện nay đang nằm tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20/11/2018.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử buộc bị cáo Vi Tiến T, Phạm Văn G mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hoài Phương